

LUẬN ĐẠI THỪA TRẠNG NGHIÊM KINH

QUYỂN 8

Phẩm Thứ 17: ĐỘ NHIẾP (Phần 2)

Giải thích: Đã nói tu tập sáu Ba-la-mật, kể là nói về sự khác nhau giữa sáu Ba-la-mật. Sự khác nhau giữa sáu Ba-la-mật, đều có sáu nghĩa:

1. Tự tính.
 2. Nhân.
 3. Quả.
 4. Nghiệp.
 5. Tương ứng.
 6. Phẩm loại.
- Kệ rằng:

*Thí kia và cùng nghĩ,
Hai thành cũng hai nhiếp,
Trụ đủ, không bỏn sẻn,
Pháp, tài vô úy ba.*

Giải thích: Bài kệ này nói về sáu nghĩa của bố thí Ba-la-mật. Thí kia là tự tính thí, là do lấy vật của mình mà đem cho người. Cùng nghĩ là nhân của bố thí, do gốc lành không tham phát sinh cùng lúc với suy nghĩ.

Hai thành là quả của bố thí, do của cải thành tựu và thân thành tựu. Nói thân thành tựu là gồm năm việc như mạng sống, v.v... Như trong kinh Ngũ Sự nói: “Thí thức ăn, được năm việc”:

1. Được mạng sống.
2. Được nhan sắc.
3. Được sức khỏe.
4. Được niềm vui.
5. Được nói năng khéo léo.

Hai nhiếp hóa là nghiệp của bố thí, do xếp vào đủ cả mình và

người và đầy đủ cả đại Bồ-đề.

An trụ đủ, không keo kiệt là bố thí tương ứng do đời sống đầy đủ nên trong lòng không còn keo kiệt.

Pháp, tài, vô úy là ba, là phẩm loại bố thí. Phẩm loại lại có ba:

1. Pháp thí.
2. Tài thí.
3. Vô úy thí.

Người trí nên biết và tu tập sáu nghĩa như vậy. Kệ rằng:

*Sáu chi diệt hữu biên,
Đường lành và trì thấy,
Phước chứa nhóm đầy đủ,
Hai được là hai thứ.*

Giải thích: Bài kệ này nói sáu nghĩa của giới Ba-la-mật. Sáu chi là tự tính giới, do an trụ đầy đủ trong giới cho đến thọ học đầy đủ các học.

Diệt hữu biên là nhân của giới. Diệt là Niết-bàn, do cầu Niết-bàn là phải đi qua các hữu biên thọ và thực hành giới.

Đường lành là quả của giới, đường lành và năm tâm trụ không ăn năn, v.v... nhờ giữ giới mà được.

Trì đẳng là nghiệp của giới, giới có ba công năng:

1. Công năng giữ gìn do nó có công năng giữ gìn tất cả các công đức như đất kia.

2. Công năng yên tĩnh, do nó có công năng dập tắt hết lửa phiền não nóng bức.

3. Không sợ hãi vì nó có công năng không làm phát sinh các sợ hãi, oán ghét, v.v... Các thứ tội có ra là do duyên tác động thì đâu còn sợ phát sinh các tội.

Phước chứa nhóm đầy đủ là sự tương ứng của giới do nghiệp thân, miệng, ý đều làm việc lành, bất cứ lúc nào.

Hai được là hai thứ phẩm loại của giới, hai được là được thọ và pháp có hành vi ác. Được thọ là xếp vào Ba-la-đề-mộc-xoa. Pháp có được là xếp vào thiên và không lưu hành rộng. Kệ rằng:

*Không báo, nhẫn trí tính,
Đại bi và pháp nương,
Năm đức, hai lợi ích,
Đầy đủ thắng ba thứ.*

Giải thích: Bài kệ này, nói về sáu nghĩa của nhẫn Ba-la-mật.

Không trả thù, chịu đựng. Trí tính là tự tính của nhẫn:

1. Không trả thù.
2. Chịu đựng.
3. Trí.

Theo thứ lớp thì ba thứ này là ba tự tính của nhân.

Không trả thù là bị kẻ khác hủy nhục, nhưng tự tính là chịu đựng.

Chịu đựng là tự tính nhân chịu đựng khổ nhân.

Trí là tự tính nhân của pháp quán.

Đại bi và pháp nương là nhân của nhân.

1. Đại bi là nhân.
2. Pháp nương là nhân. Pháp nương là thọ giới và học rộng.

Năm đức là quả của nhân, như trong kinh nói: Nhân, được năm thứ quả:

1. Ít bị ai ganh ghét.
2. Không phá bỏ ý người khác.
3. Được vui mừng.
4. Lúc sắp chết không ăn năn.
5. Sau khi chết, sinh lên cõi trời.

Hai lợi ích là nghiệp của nhân, vì ba thứ nhân nên có công năng làm hai nghiệp là lợi mình và lợi người, như kệ trong kinh, đã nói: Làm hai nghĩa ấy là lợi mình và lợi người. Nếu thấy ai nổi giận thì ta tự dứt giận đối với họ.

Đây đủ tối thắng là sự tương ứng nhân, vì nhân là việc khó làm nên gọi là tối thắng. Đây đủ tối thắng nên gọi là tương ứng. Như trong kinh nói: Nhân là tối thượng, là khó làm.

Ba thứ kia là phẩm loại của nhân. Người kia có ba phẩm:

1. Nhân khi bị kẻ khác hủy nhục.
2. An nhân chịu khổ.
3. Nhân pháp quán.

Kệ rằng:

*Mạnh mẽ với điều lành,
Có tin, có mong muốn
Niệm tăng và đối trị,
Đức đủ, bày thứ kia.*

Giải thích: Bài kệ này, nói về sáu nghĩa của tinh tấn Ba-la-mật.

Mạnh mẽ với điều lành, với chân chính là tự tính của tinh tấn. Do ngăn dứt mạnh mẽ đối với các nghiệp khác, nên gọi là lành. Vì mạnh mẽ dứt trừ lối giải thoát của ngoại đạo, nên gọi là chánh.

Có lòng tin, có mong muốn là nhân của tinh tấn. Do lòng tin và

mong cầu mà tinh tấn phát sinh.

Nhớ nghĩ tăng lên là quả của tinh tấn. Công đức của niệm định do tinh tấn phát sinh.

Đối trị là nghiệp của tinh tấn. Như trong kinh nói: Ai tinh tấn thì kẻ ấy sống an vui, vì không cho điều ác, pháp bất thiện xen vào.

Đức đầy đủ là sự tương ứng của tinh tấn, do đủ các công đức như vô tham, v.v... Bảy thứ kia là phẩm loại tinh tấn. Người kia có bảy phẩm loại tinh tấn:

1. Giới học tinh tấn.
2. Học định tinh tấn.
3. Học tuệ tinh tấn.
4. Thân tinh tấn.
5. Tâm tinh tấn.
6. Không hờ tinh tấn.
7. Tôn trọng tinh tấn.

Kệ rằng:

*Tâm trụ và niệm, tiến,
Sống vui cũng trụ chung.
Thượng thủ của các pháp,
Ba kia lại có ba.*

Giải thích: Bài kệ này, nói về sáu nghĩa của thiền Ba-la-mật.

Tâm trụ là tự tính của định, do tâm an trụ bên trong.

Niệm tiến tới là nhân của định. Vì có niệm nên không quên duyên. Do nương vào tinh tấn nên thiền định mới phát khởi.

Sống an vui là quả của định vì lìa khỏi phương tiện thoái lui, vì lìa nó, nên được quả không đối trá.

Trụ chung là nghiệp của định. Thông là năm thân thông. Trụ là ba trụ: Thánh trụ, thiên trụ, phạm trụ. Thiền định có công năng làm thông năm thông, ba trụ đều được an trụ tự tại.

Thượng thủ của các pháp là sự tương ứng của định. Như trong kinh nói: Tam-ma-đề là thượng thủ trong các pháp.

Ba thứ kia lại có ba là: Phẩm loại định. Người kia có hai thứ ba phẩm:

1. Có giác, có quán; không giác, có quán và không giác, không quán. Đó là ba phẩm.
2. Cùng vui, cùng mừng, cùng xả, đó là ba phẩm.

Kệ rằng:

Lựa chánh và trì định,

*Khéo thoát và mạng thuyết.
Là đứng đầu các pháp,
Kia cũng có ba thứ.*

Giải thích: Bài kệ này, nói về sáu nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật.

Lựa chính là tự tánh tuệ, vì lia khỏi tà nghiệp và các nghề mà thế gian biết. Lựa chọn chân chính là pháp xuất thế gian.

Trì định là nhân của tuệ. Vì Định được duy trì nên tuệ mới hiểu các pháp như thật.

Khéo giải thoát là quả của tuệ, nghĩa là khéo giải thoát ngay trong hoàn cảnh ô nhiễm. Vì sao? Vì biết lựa chọn chân chính những gì là thế gian, xuất thế gian, đại xuất thế gian.

Nói đời sống, là tuệ nghiệp, vì tuệ mạng và khéo nói về tuệ mạng là biết lựa chọn đúng, Vô thượng chánh trạch (lựa đúng) kia là mạng sống.

Khéo nói là nói chính chắn chánh pháp.

Đứng đầu các pháp là sự tương ứng của tuệ. Như trong kinh nói: Bát-nhã là pháp cao trong các pháp.

Kia cũng có ba phẩm là: Phẩm loại của tuệ. Người kia có ba phẩm lựa chọn là thế gian, xuất thế gian, đại xuất thế gian.

Đã nói sự khác nhau giữa sáu Ba-la-mật, kể đây là, là nói về việc xếp vào sáu Ba-la-mật. Kệ rằng:

*Tất cả pháp trắng sạch,
Có loạn, định nên biết,
Sáu độ gồm ba đôi,
Đều gom hết loại ấy.*

Giải thích: Tất cả pháp trắng sạch là các pháp hành như bố thí, v.v... nên biết, pháp hành ấy xếp vào ba thứ:

1. Loạn.
2. Định.
3. Có cả hai.

Loạn là hai pháp Ba-la-mật trước thuộc về bố thí, giữ giới, là không nhất định.

Định là hai pháp Ba-la-mật sau cùng, thuộc về thiền định và định, tuệ chân thật.

Có cả hai là hai pháp Ba-la-mật ở giữa hẳn, tinh tấn, có định, và bất định.

Đã nói việc xếp vào sáu Ba-la-mật, kể đây là nói về trị chướng của sáu Ba-la-mật. Kệ rằng:

*Thí lìa bảy mê đấm,
Bảy thứ không mê đấm,
Nên biết còn năm độ,
Trị chướng đều có bảy.*

Giải thích: Bố thí lìa bảy thứ mê đấm, nên nói bảy thứ không mê đấm. Bảy thứ mê đấm của bố thí là:

1. Mê đấm của cải.
2. Mê đấm chậm trễ.
3. Chấp đấm một bên.
4. Mê đấm việc trả ơn.
5. Mê đấm quả báo.
6. Mê đấm chướng ngại.
7. Mê đấm tán loạn.

Trong đây, mê đấm những chướng ngại đó là lòng tham mà bố thí phải đối trị nó, do lòng tham cứ còn là tùy miên.

Mê đấm tán loạn là tán loạn có hai thứ:

1. Do câu Tiểu thừa mà ý thấp kém tán loạn.
2. Do phân biệt ba thứ nên phân biệt rối mù.

Khi thực hành bố thí thì Bồ-tát lìa khỏi bảy thứ mê đấm này, cho nên nói bảy thứ không mê đấm. Nên biết năm độ còn lại, cũng đều có bảy thứ chướng ngại cần đối trị như vậy cả. Nên biết, năm Ba-la-mật như giới v.v... đều có bảy thứ mê đấm. Do lìa xa bảy thứ mê đấm nên nói mỗi thứ có bảy thứ không mê đấm.

Trong đây có bảy chỗ khác nhau, là bố thí mà không mê đấm của cải là năm Ba-la-mật như giới v.v... Đã lìa khỏi mê đấm thứ nhất.

Gọi là giới, lìa khỏi mê đấm phá giới.

Nhẫn, lìa khỏi mê đấm giận dữ.

Tinh tấn, lìa khỏi mê đấm biếng nhác.

Thiền định, lìa khỏi mê đấm tâm rối loạn.

Trí tuệ, lìa khỏi mê đấm ngu si.

Gới, lìa khỏi Mê đấm chướng ngại, do những chướng ngại tùy miên kia đều bị dứt trừ hết.

Gới, lìa khỏi mê đấm phân biệt là do không còn phân biệt ba thứ kia.

Đã nói sáu Ba-la-mật đối trị các chướng ngại, sau đây, là nói công đức của sáu Ba-la-mật. Trong đó, trước nói về công đức làm lợi cho người. Kệ rằng:

Hằng coi thường mạng sống,

*Thương xót không cầu báo,
Nhân thí lập Bồ-đề,
Trí nhiếp thí không cùng.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức bố thí làm lợi cho người khác.

Luôn coi thường mạng sống là Bồ-tát bố thí thân mạng mình cho những ai cầu xin, bất cứ lúc nào.

Thương xót mà không cầu trả ơn là, không mong cầu trả ơn cho đến quả tốt, do Đại bi làm nhân. Nhân thí lập Bồ-đề là nhân thí đã xây dựng ai nấy vào Bồ-đề ba thừa.

Trí gom hết các bố thí không cùng tận là bố thí này được xếp vào trí vô phân biệt, cho đến Niết-bàn vô dư cho nên phước lợi ích cho tất cả chúng sinh là không bao giờ hết. Kệ rằng:

*Hằng siêng năng giữ giới,
Không chấp giới đường lành,
Nhân giới lập Bồ-đề,
Trí nhiếp giới không cùng.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức làm lợi người của giới Ba-la-mật.

Hằng siêng năng giữ giới là Bồ-tát có ba nhóm giới là:

1. Giới luật nghi.
2. Giới nhiếp thiện pháp.
3. Giới nhiếp chúng sinh.

Thể của giới là dùng ngăn cấm để phòng.

Thể của hai giới sau là siêng năng mạnh mẽ.

Bồ-tát thường giữ giới, bất cứ lúc nào.

Không chấp giới và đường lành là không chấp vào giới mà mình có được và không mong cầu quả báo tốt. Kệ rằng:

*Thường chịu đựng chê bai,
Lìa cầu, sợ không tài,
Từ nhân lập Bồ-đề,
Trí nhiếp nhân vô cùng.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức lợi người của nhân Ba-la-mật.

Thường chịu đựng chê bai, bất cứ lúc nào là nếu tất cả chúng sinh làm các việc tổn hại cho Bồ-tát, thì bất cứ lúc nào Bồ-tát cũng có khả năng chịu đựng tất cả.

Lìa khỏi mong cầu, sợ hãi, không năng lực là Bồ-tát không mong

cầu trả ơn, không mong cầu đường lành, không sợ hãi, chẳng phải không có năng lực. Kệ rằng:

*Hằng thệ làm siêng năng,
Giết giặc (phiền não) là trên hết,
Do tấn lập Bồ-đề,
Trí nhiếp tấn không cùng.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức lợi người của tinh tấn Ba-la-mật.

Hằng thệ nguyện siêng năng là các vị Bồ-tát tu tập tinh tấn không ai sánh bằng, có hai tự tính là:

1. Lấy thệ nguyện rộng làm tự tính.
2. Lấy siêng năng làm phương tiện làm tự tính.

Giết giặc phiền não là trên hết là tu tinh tấn, Bồ-tát chỉ nhằm giết giặc phiền não của mình và người, là do cầu được Bồ-đề Vô thượng.

Kệ rằng:

*Thường tu tập các định,
Bỏ thiền sinh nơi kém,
Nhờ định lập Bồ-đề,
Trí nhiếp định không cùng.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức lợi người của thiền Ba-la-mật.

Thường tu tập các định là các vị Bồ-tát nhiếp vô biên Tam-ma-đề mà tu tập.

Bỏ thiền, nơi sinh thấp kém là bỏ ý niệm an trụ thiền Vô thượng để sinh vào nơi thấp kém tầm thường. Vì sao? Vì đại bi. Kệ rằng:

*Thường biết cảnh chân khác,
Phật dứt, không mê đắm,
Nhờ trí lập Bồ-đề,
Bi nhiếp trí vô tận.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức lợi người của Bát-nhã Ba-la-mật.

Thường biết cảnh chân khác là thấu biết tướng bình đẳng của Nghĩa đệ nhất đế, là do trí thấy nhân và pháp đều là vô ngã. Cảnh khác nghĩa là vô biên, vì tên gọi và hình tướng khác nhau.

Phật dứt còn không mê đắm thì Phật dứt là Niết-bàn các Bồ-tát tu Bát-nhã cũng không mê đắm Niết-bàn của Phật, hướng chi là mong ở trong sinh tử.

Trong đây, năm Ba-la-mật trước, là xếp vào trí vô phân biệt, cho

đến Niết-bàn vô dư, công đức vô tận, Bát-nhã Ba-la-mật được xếp vào đại bi, nên mãi mãi không bỏ chúng sinh, nên công đức không bao giờ hết.

Sáu bài kệ trên nói riêng về công đức lợi tha rồi. Bài kệ sau đây nói chung nghĩa nói ở trước. Kệ rằng:

*Rộng lớn, không mong cầu,
Tối thắng và vô tận,
Nên biết, mỗi độ ấy,
Đồng có bốn đức.*

Giải thích: Bốn công đức là:

1. Công đức rộng lớn.
2. Công đức không mong cầu.
3. Công đức tối thắng.
4. Công đức vô tận.

Câu một trong sáu bài kệ trước nói về công đức rộng lớn, do Bồ-tát làm lợi ích cho nhiều chúng sinh.

Câu kệ thứ hai nói về công đức không mong cầu.

Câu kệ thứ ba nói về công đức tối thắng.

Câu kệ thứ tư nói về công đức vô tận.

Lại nữa, sáu Ba-la-mật còn có công đức thanh tịnh. Kệ rằng:

*Được thấy và toại nguyện,
Điều cầu hạp ba mừng,
Bồ-tát vui ngược lại,
Rất xót thấy lui sụt.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức thanh tịnh của bố thí Ba-la-mật. Đối với Bồ-tát, nhờ kẻ kia mong cầu mà phát sinh ba niềm vui là:

1. Niềm vui phát sinh khi thấy Bồ-tát.
2. Niềm vui phát sinh khi toại nguyện.
3. Niềm vui phát sinh khi cầu được thấy, khi toại nguyện.

Niềm vui mừng ấy không phát sinh khi không nhìn thấy, khi không toại nguyện. Trái lại, bất cứ lúc nào, Bồ-tát cũng thấy ba niềm vui khác với ba niềm vui của người cầu xin kia:

1. Niềm vui phát sinh khi thấy người kia, được vui mừng.
2. Niềm vui phát sinh khi Bồ-tát giúp kẻ kia toại nguyện.
3. Niềm vui phát sinh khi Bồ-tát thấy người kia được nhìn thấy, được toại nguyện.

Trong đó, nên biết ba điều vui mừng của kẻ mong cầu kia không

bằng ba điều vui mừng của Bồ-tát. Vì sao? Do Bồ-tát có lòng đại bi. Kệ rằng:

*Tài của mình,quyến thuộc,
Thí lòng bi hằng có,
Ba hạnh xa lìa ấy,
Vì sao không giữ nó?*

Giải thích: Từ đây trở đi nói về công đức thanh tịnh của giới Ba-la-mật. Bài kệ này nói về việc lìa ba hành vi ác của thân. Do tâm đại bi, đối với thân mình, của cải mình, quyến thuộc mình, Bồ-tát còn mãi mãi đem bố thí một cách vui mừng cho kẻ khác, huống nữa làm gắn vào thân kẻ khác, tài sản của kẻ khác, quyến thuộc của kẻ khác? Ba hạnh xa lìa kia làm sao không cố giữ nó? Kệ rằng:

*Không đoái và bình đẳng,
Không sợ cũng thí khắp,
Bi tốt có nhân gì?
Nào người mà nói dối?*

Giải thích: Bài kệ này nói rõ việc lìa khỏi hành vi nói dối xấu xa. Nói dối là vì bốn nhân duyên:

1. Vì lợi mình, vì yêu mến thân mạng.
2. Vì lợi người bằng lợi ích mà mình ưa thích.
3. Vì lo sợ, run sợ luật pháp nhà vua.
4. Vì tìm cầu tiền của mà mình cần có.

Bồ-tát thì không như vậy, vì:

1. Bồ-tát không đoái ngại không luyến tiếc thân mạng.
2. Các việc làm đều bình đẳng, vì giữ được tâm bình đẳng giữa mình và người.
3. Không lo sợ, vì đã lìa năm sợ hãi.
4. Bố thí rộng khắp, vì đem tất cả vật bố thí cho cả .

Đó là việc làm từ tâm thương xót sâu rộng, hằng còn. Đã vì vậy thì Bồ-tát đâu vì cơ gì mà nói dối? Kệ rằng:

*Làm lợi ích bình đẳng,
Đại bi sợ người khổ, Siêng
làm thành thực sinh, Rất
xa lìa ba ngữ.*

Giải thích: Bài kệ này nói về lìa hành vi xấu của ba ngữ còn lại. Từ các việc làm hằng đem lợi ích bình đẳng cho tất cả chúng sinh thì há đâu, Bồ-tát lại nói hai lưỡi để phá hoại quyến thuộc của kẻ khác? do lòng đại bi hằng còn, Bồ-tát muốn, dẹp hết các khổ của chúng sinh,

Bồ-tát rất lo sợ cho nỗi khổ của kẻ khác, thì lẽ đâu, Bồ-tát lại nói lời ác hiểm để gieo khổ hận cho kẻ khác?

Làm việc với siêng năng vô hạn, thường muốn chúng sinh thành thực thì lẽ đâu, Bồ-tát lại nói lời thù dật để làm cho người khác không thành thực?

Cho nên, Bồ-tát có công năng xa lìa hẳn ba thứ tội lỗi của lời nói.

Kệ rằng:

*Thí khắp và có bi,
Pháp duyên khởi rất lành,
Vì sao không chịu đựng?
Ba phiền não ý địa.*

Giải thích: Bài kệ này nói về việc lìa bỏ ba hành vi ác của tâm.

Do bố thí của cái khắp tất cả, nên Bồ-tát lìa khỏi tâm lý phiền não tham lam. Do lòng đại bi nên Bồ-tát đã lìa tâm lý phiền não sân hận. Do đi tới chỗ cùng cực của pháp duyên khởi nên Bồ-tát đã lìa khỏi phiền não tà kiến. Như vậy, Bồ-tát có nhiều cách đối trị với bệnh phá giới khác nhau, nên Bồ-tát được công đức thanh tịnh của giới. Kệ rằng:

*Tổn hại nghĩ lợi ích,
Việc khổ nghĩ là vui,
Bồ-tát đã như thế,
Nhẫn với ai, cái gì.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức thanh tịnh của nhẫn nhục Ba-la-mật.

Đối với kẻ hại mình, Bồ-tát thấy đó là lợi ích nghĩa là Bồ-tát thấy mình được lợi ích khi bị người khác gây tổn hại, nên phải nhẫn nhục. Vì sao? Vì đó là nhân đưa đến thành tựu nhẫn nhục.

Trong đau khổ, Bồ-tát thấy như vui mừng nghĩa là Bồ-tát cảm thấy vui mừng khi gặp việc đau khổ. Vì sao? Vì là nhân thành tựu lợi người. Vì Bồ-tát nảy ý nghĩ làm lợi ích và nảy ý nghĩ về khổ nên Bồ-tát biết phải chịu đựng với ai, với việc nào. Kệ rằng:

*Bồ-tát dứt tưởng người,
Thương người hơn thương mình,
Việc khó làm của người,
Bồ-tát làm, không khó.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức thanh tịnh của tinh tấn Ba-la-mật. Đối với việc khó làm của người, Bồ-tát siêng năng làm không bỏ. Vì sao? Vì Bồ-tát đã dứt bỏ ý niệm người khác mình, nên Bồ-tát

thương yêu các người hơn thương mình bất cứ lúc nào, Bồ-tát siêng năng đối với các người thì Bồ-tát đâu còn thấy việc gì là khó làm, cho nên Bồ-tát được tinh tấn thanh tịnh. Kệ rằng:

*Vui ít, hai từ vui,
Đắm trước, lui hết si,
Là nói thiền ba người,
Thiền Bồ-tát trái đó.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức thanh tịnh của thiền Ba-la-mật.

Vui ít là thiền thế gian.

Hai niệm vui là thiền Thanh văn, thiền của Duyên giác.

Mê đắm là thiền thế gian. Họ tham đắm vào kiến chấp của mình. Còn thiền Nhị thừa thì tham mê đắm Niết-bàn.

Thoái lui là thiền thế gian. Hết, là thiền Nhị thừa, do chấm hết khi nhập vào Niết-bàn vô dư.

Ngu si là những gì tương ứng với ba hạng người tu thiền kia, do có người bị nhiễm ngu si, có khi không bị nhiễm ngu si.

Thiền của Bồ-tát trái với thiền của hạng kia. Vì sao? Vì thiền của Bồ-tát vui nhiều, do đem niềm vui ấy cho mình và người, vì không mê đắm, không cố chấp, không bị lui sụt, vô tận, không ngu si. Đó gọi là công đức của thiền thanh tịnh. Kệ rằng:

*Chạm tối và hai đèn,
Ba người trí như vậy,
Như mặt trời chiếu sáng,
Trí Bồ-tát chẳng sánh.*

Giải thích: Bài kệ này nói về công đức thanh tịnh của Bát-nhã Ba-la-mật. Như ở trong chỗ tối dùng tay mò vật, trí phàm phu cũng như vậy. Vì sao? do đối tượng đồ vật được sờ tới rất ít, vì thiếu ánh sáng, vì không thường định.

Như hai ngọn đèn chiếu vật trong nhà, trí của Thanh văn, trí của Duyên giác cũng như vậy. Vì sao? Do đối tượng được nhận biết rất ít, do ánh sáng chiếu chậm lụt, do chưa được hoàn toàn thanh tịnh.

Như mặt trời chiếu soi các vật, trí của Bồ-tát cũng như vậy. Vì sao? Vì nó trùm khắp hết với sáng tỏ hoàn toàn, với rất thanh tịnh. Như vậy là không còn có gì so sánh nổi. Đó gọi là công đức thanh tịnh của Bát-nhã Bồ-tát.

Lại nữa, sau sáu Ba-la-mật còn có tám thứ công đức Vô thượng. Kệ rằng:

*Nương, loại, duyên, hồi hương,
 Nhân, trí, điền, nương,
 Tám thứ hơn như vậy,
 Nghĩa Vô thượng nên biết.*

Giải thích: Tám thứ Vô thượng là:

1. Nương.
2. Loại.
3. Duyên.
4. Hồi hương.
5. Nhân.
6. Trí.
7. Ruộng.
8. Nương.

Hỏi: Vì sao đối với sáu độ, tám thứ này gọi là Vô thượng?

Đáp: Vì chỗ nương của bố thí là lấy Bồ-tát làm chỗ nương.

Bố thí có ba thứ:

1. Bố thí bằng đồ vật vì không màng đến thân mình.
2. Bố thí sự không lo sợ, vì cứu giúp sự sợ hãi trong đường ác, sinh tử.
3. Bố thí bằng nói pháp, là giảng nói giáo pháp Đại thừa.

Duyên bố thí là lấy tâm đại bi làm duyên khởi.

Hồi hương bố thí là vì mong cầu đại Bồ-đề.

Nhân bố thí là lấy nghiệp bố thí đời trước huân tập hạt giống làm nhân.

Trí của bố thí là lấy trí vô phân biệt quán xét ba luân là do phân biệt người thí, người nhận và của cho.

Ruộng bố thí là có năm hạng người được gọi là ruộng phước:

1. Người ăn xin.
2. Người khổ.
3. Người không chỗ nương.
4. Người có hành vi ác.
5. Người có đức độ.

Nên biết, trong đó, người có đức độ được gọi là hơn người, là Vô thượng.

Chỗ nương của bố thí là do ba thứ nương:

1. Nương vào tín hướng.
2. Nương vào tư duy.
3. Nương vào Tam-muội.

Nướng vào tín hướng là như những gì đã nói do lòng tin có suy nghĩ, trong phân biệt tu tập.

Nướng vào tư duy là như đã nói trong vị tư duy, tùy hỷ tư duy, hi vọng tư duy, trong phân biệt tu tập.

Nướng vào Tam-muội là nướng vào các định Kim cương tạng như đã nói trong Thế lực của nướng tu tập.

Do nướng vào Đẳng giác Vô thượng cho nên bố thí được Vô thượng. Như tám Vô thượng của bố thí thì tám Vô thượng của năm Ba-la-mật như giới, v.v... Cũng như vậy.

Trong đó giới phẩm loại Vô thượng là giới của Bồ-tát.

Nhãn phẩm loại Vô thượng là người đến giết Bồ-tát chính là kẻ thấp hèn, yếu đuối.

Tinh tấn phẩm loại Vô thượng là những gì cần phải đối trị, cắt đứt khi tu các Ba-la-mật.

Thiền phẩm loại Vô thượng là Tam-ma-đề của Bồ-tát.

Trí phẩm loại Vô thượng là duyên vào cảnh như như.

Giới .v.v. là do ruộng màu mỡ Vô thượng là pháp Đại thừa. Sáu Vô thượng còn lại như đã nói trong bố thí Vô thượng.

Lại nữa, bố thí và tinh tấn còn có công đức khác nhau, không chung.

Hỏi: Thế nào gọi là khác nhau của bố thí? Kệ rằng:

*Thí một giúp họ vui, Tự
chịu khổ nhiều kiếp,
Còn không màng ái sâu,
Hưởng chi lợi trái kia.*

Giải thích: Nếu bố thí cho một người được an vui, mà mình phải chịu nhiều khổ não, thì Bồ-tát vẫn làm mà không chút tiếc nuối, ấy là do lòng thương sâu rộng.

Lòng thương có tính chất khác nhau hướng chi thí cho một chúng sinh khiến họ an vui thì tự thân Bồ-tát trải qua nhiều kiếp vẫn được phước lợi lớn. Kệ rằng:

*Tùy người xin muốn gì,
Bồ-tát cho tất cả,
Họ xin là vì thân,
Cũng cho đủ lợi họ.*

Giải thích: Nửa kệ trên đây nói chung là tùy ai xin gì, Bồ-tát cho tất. Nửa kệ dưới giải thích là kẻ xin kia tự lợi nên muốn được tất cả, nên vì lợi tha, Bồ-tát cho đủ cả. Kệ rằng:

*Xả thân còn không khổ
Hướng gì tài vật khác?
Bởi được vui xuất thế
Khởi khổ là vô thượng.*

Giải thích: Khi xả thân lợi ích chúng sinh là do Bồ-tát không sinh tâm coi đó là khổ. Tâm này nói về Bồ-tát là bậc xuất thế gian. Vì sao? Vì được vui.

Hỏi: Vui ấy từ đâu có được.

Đáp: Từ khởi ý niệm biết khổ mà có được, cho nên khởi ý biết khổ là Bồ-tát Vô thượng, cho nên Bồ-tát ở trên cả xuất thế gian. Kệ rằng:

*Kẻ xin, được tất cả,
Được mừng chẳng rất mừng,
Bồ-tát xả tất cả,
Vui Bồ-tát lớn nhất.*

Giải thích: Bất cứ ai xin gì, Bồ-tát cho cả. Cái vui mà người xin có được, không phải là cái vui lớn. Vì sao ?

Đáp: Cái vui của Bồ-tát đem cho tất cả của cải thì cái vui ấy mới thật là lớn, nó lấn át cái vui của người được của. Kệ rằng:

*Kẻ xin, được tất cả,
Họ có của chưa phải giàu,
Bồ-tát vì xa tất cả,
Không của thấy giàu to.*

Giải thích: Bài kệ này nói về sự khác nhau về của cải không bao giờ hết của Bồ-tát. Kệ rằng:

*Kẻ xin được tất cả,
Chẳng tưởng giàu lợi lớn,
Bồ-tát xả tất cả,
Được nghĩ giàu lợi lớn.*

Giải thích: Bài kệ này nói về sự khác nhau về lòng đại bi của Bồ-tát. Kệ rằng:

*Kẻ xin tự do lấy,
Như hái trái bên đường,
Bồ-tát nằng đại xả,
Kẻ khác, không làm được.*

Giải thích: Bài kệ này nói về sự khác nhau về lòng vô trước của Bồ-tát.

Hỏi: Đã nói về sự khác nhau của công đức bố thí riêng rồi. Còn sự

khác nhau về công đức riêng của tinh tấn là sao? Kệ rằng:

*Nhân cao nường nghiệp chủng,
Đối trị thấy khác nhau,
Có sáu nghĩa như vậy,
Nên tinh tấn khác nhau.*

Giải thích: Tinh tấn có sáu thứ khác nhau:

1. Khác nhau về hơn.
2. Khác nhau về nhân.
3. Khác nhau về chỗ nường.
4. Khác nhau về nghiệp.
5. Khác nhau về giống.
6. Khác nhau về đối trị.

Bài kệ này nêu chung. Các bài kệ sau sẽ giải thích riêng.

Kệ rằng:

*Pháp trắng tấn là cao,
Tấn cũng là thắng nhân,
Thâu đạt các pháp lành,
Tinh tấn là nường tựa.*

Giải thích: Bài kệ này nói về chỗ nường khác nhau, nhân khác nhau, vượt hơn khác nhau của tinh tấn.

Pháp trắng, tinh tấn là trên, nghĩa là nó khác nhau tối thắng, là do nó trong thấy pháp lành thì tinh tấn là hơn hết.

Tinh tấn cũng là nhân cao hơn hết, nghĩa là nói về sự khác nhau của nhân, do nói tinh tấn là nhân Vô thượng.

Thâu đạt được các pháp lành, đều là nường tinh tấn, nghĩa là nói sự khác nhau của chỗ nường, là do nường vào tinh tấn mà được tất cả các pháp. Kệ rằng:

*Hiện vui và thế pháp,
Xuất thế gian, của cải,
Động tịnh và giải thoát,
Bảy Bồ-đề là nghiệp.*

Giải thích: Bài kệ này nói về nghiệp khác nhau của tinh tấn, nghiệp này có bảy thứ khác nhau:

1. Sống an vui trong pháp hiện tại.
2. Được pháp thế gian.
3. Được pháp xuất thế gian.
4. Được của tiền.
5. Được động tịnh. Vì động tịnh là pháp thế gian nên không rốt

ráo.

6. Được giải thoát, giải thoát nghĩa là do dứt chấp thân.
7. Được Bồ-đề, Bồ-đề là đại Bồ-đề. Kệ rằng:

*Tăng giảm và tăng thêm,
Xả chướng cũng nhập chân,
Chuyển y và đại lợi,
Nói tinh tấn có sáu.*

Giải thích: Bài kệ này nói sự khác nhau giữa các thứ tinh tấn, có sáu thứ khác nhau:

1. Tăng giảm tinh tấn, là bốn chánh cần, hai pháp ác giảm thì hai pháp lành tăng.
 2. Tăng thượng tinh tấn, là năm căn nghĩa-tăng thượng đối với pháp giải thoát.
 3. Xả chướng tinh tấn là năm lực, vì chướng ngại kia không thể chướng ngại được.
 4. Nhập chân tinh tấn là bảy phần giác do quả vị kiến đạo đã lập.
 5. Chuyển y tinh tấn là Tám phần Thánh đạo do giai vị tu đạo là nhân của chuyển y rất ráo.
 6. Đại lợi tinh tấn là sáu Ba-la-mật, do lợi mình và lợi người.
- Kệ rằng:

*Lại có năm khác nhau,
Thệ rộng giúp phát hạnh,
Không thấp và bất động,
Thứ năm, nói không chán.*

Giải thích: Năm thứ tinh tấn khác nhau là:

1. Hoằng thệ tinh tấn, là muốn phát khởi hạnh tinh tấn.
2. Phát hạnh tinh tấn, là hiện hành các điều lành.
3. Vô hạ tinh tấn là được quả Đại thừa, không có tự thể thấp kém.
4. Bất động tinh tấn là nóng lạnh, khổ không thể làm dao động.
5. Vô yếm tinh tấn là mới được một ít, không cho đó là đủ.

Năm thứ này, như trong kinh nói: Có tinh tấn thệ nguyện rộng lớn, có tinh tấn hiện khởi, có tinh tấn mạnh mẽ, có tinh tấn vững chắc, có tinh tấn không bỏ đạo. Trong các pháp lành, cứ theo thứ lớp như vậy, nên biết. Kệ rằng:

*Ba thứ hạ trung thượng,
Là nương ba thừa ấy,*

*Cũng hai giác, hạ, thượng,
Vì lợi có Tiểu Đại.*

Giải thích: Do nương vào người mà tinh tấn có khác nhau. Lại nói ba thứ và hai thứ. Ba thứ là, nương vào người tu ba thừa khác nhau, theo thứ lớp mà họ tinh tấn có hạ, trung, thượng.

Hỏi: Vì sao lại có hai thứ?

Đáp: Do giác ngộ có bậc hạ thượng. Giác bậc hạ là người tu theo Nhị thừa. Giác bậc trên là người tu theo Đại thừa. Từ thứ lớp ấy mà nói về lợi ích của Tiểu thừa, lợi ích của Đại thừa. Vì sao? Do làm lợi ích cho mình và người. Kệ rằng:

*Đắm cửa, đắm phiền não,
Đắm nhàm, đắm biết đủ,
Bốn đắm không lui sụt,
Có bốn pháp đối trị.*

Giải thích: Bài kệ này nói về sự khác nhau của tinh tấn đối trị. Do đối trị bốn thứ mê đắm nên có bốn thứ không lui sụt, nên nói sự khác nhau của bốn thứ đối trị.

Hỏi: Thế nghĩa là sao?

Đáp: Như các việc làm bố thí, do bốn thứ mê đắm làm chướng ngại nên không làm được.

1. Đắm mê vào cửa cải là bồn sên tài vật.
2. Đắm mê phiền não là tâm ý bị nhiễm trong cửa cải.
3. Đắm mê chán cao là do ý chí bị lui sụt trong khi bố thí.
4. Đắm mê với biết đủ là bố thí chút ít mà vui mừng cho thế là đủ rồi. Ai thực hành tinh tấn nên đối trị bốn thứ mê đắm đó.

Có công năng không lui sụt, cho nên nói có bốn thứ đối trị khác nhau.

Đã nói công đức của sáu Ba-la-mật, kế là nói về sự soi sáng cho nhau giữa các Ba-la-mật. Kệ rằng:

*Nhiếp nhau và sai khác,
Nương pháp cũng làm nhân,
Sáu độ thành lẫn nhau,
Phân biệt tất cả thứ.*

Giải thích: Sáu tướng Ba-la-mật được thành tựu vì có bốn nghĩa:

1. Nhiếp nhau.
2. Khác nhau.
3. Nương pháp.
4. Làm nhân.

Nhiếp nhau là vô úy và bố thí thì xếp vào hai độ trì giới và nhẫn nhục, do hai độ này có công năng làm người ta không sợ sệt.

Pháp thí thì xếp vào hai độ thiền định và trí tuệ, vì hai độ này có thể ban cho giáo pháp. Bố thí đủ thì xếp vào một độ tinh tấn, do tinh tấn có công năng làm cả hai việc bố thí.

Hỏi: Có mấy thứ xếp vào giới?

Đáp: Xếp vào giới nhiếp thiện pháp tất cả việc bố thí.

Như vậy, nhẫn v.v... Chúng đều nhiếp nhau như những gì chúng phải làm.

Khác nhau là sáu thứ như bố thí, v.v... là sáu thứ thí, nghĩa là giới thí, thí và cho đến Bát-nhã thí, vì đối với chúng sinh, phải nối nhau mà lập ra bố thí.

Nương vào pháp là tất cả kinh, tất cả bố thí đều có nói nghĩa rành mạch.

Tất cả ý nghĩa bố thí, tất cả kinh đều nói về là chúng gom lẫn vào nhau ở nhiều chỗ, nên biết.

Làm nhân nghĩa là bố thí là nhân của giới. Vì sao? Vì ai không màng đến của cải thì đều thực hành giới. Giới cũng là nhân của bố thí. Vì sao? Vì Tỳ-kheo khéo thọ giới và hộ trì thì có thể bỏ hết của cải để thọ giới.

An trụ trong giới là vì có công năng đầy đủ nhẫn nhục.

Lại nữa, thọ giới nhiếp thiện pháp cũng là bố thí. Như vậy, nhẫn đều làm nhân lẫn nhau, như những gì thích ứng với nó.

Như vậy là nói xong nghĩa sáu Ba-la-mật. Kế là nói về bốn hạnh nhiếp. Kệ rằng:

*Bố thí giúp ái ngữ,
Lợi hành và đồng lợi,
Thí bình đẳng kia nói,
Lập ra cũng tự hành.*

Giải thích: Bốn nhiếp pháp là:

1. Bố thí nhiếp.
2. Ái ngữ nhiếp.
3. Lợi hành nhiếp.
4. Đồng lợi nhiếp.

Bố thí bình đẳng thuộc về bố thí. Nói pháp là ái ngữ, là nói nghĩa sáu Ba-la-mật.

Lập ra là lợi hành nhiếp, lập chúng sinh vào trong Ba-la-mật.

Tự thực hành là đồng lợi nhiếp, tức do lập ra kẻ khác rồi thì mình

cũng thực hành như vậy.

Hỏi: Vì sao nói thể của bốn nhiếp này?

Đáp: Đây là nói phương tiện nhiếp tha. Kệ rằng:

*Bốn phương tiện nhiếp tha,
Tức là tính bốn nhiếp.
Tùy nhiếp cũng nhiếp thủ,
Chánh chuyển và tùy chuyển.*

Giải thích: Bồ thí là phương tiện thuận theo gồm thâu vì bồ thí của cái là tùy theo thân kẻ khác mà khởi nhiếp.

Ái ngữ là phương tiện nhiếp thủ, vì người nghi ngờ, vô tri khiến họ thọ nghĩa.

Lợi hành là phương tiện chánh chuyển vì hạnh này là chuyển các điều thiện.

Đồng lợi là phương tiện tùy chuyển vì lời nói, việc làm của Bồ-tát, chúng sinh đều biết cả rồi cho nên điều thiện trước chưa làm Bồ-tát cũng thuận theo làm theo.

Hỏi: Nghiệp của bốn nhiếp pháp là gì? Kệ rằng:

*Khiến thành khí, khiến tin,
Khiến làm cũng khiến hiểu,
Làm bốn việc như thế,
Thứ lớp, nghiệp bốn nhiếp.*

Giải thích: Bồ thí là giúp chúng sinh trở thành đồ đựng chánh pháp, do theo tiền của cho mà họ có thể gánh nổi giáo pháp.

Ái ngữ là giúp chúng sinh phát khởi niềm tin pháp, vì ý nghĩa của giáo pháp có công năng dứt bỏ các ngờ vực cho họ.

Lợi hành là giúp họ phát sinh thực hành giáo pháp vì nương theo đúng như pháp mà làm.

Đồng lợi là khiến họ được giải thoát, vì làm việc thanh tịnh trải qua thời gian dài mà được nhiều lợi ích. Đó là nghiệp của bốn pháp nhiếp.

Hỏi: Sao Đức Thế Tôn cũng nói hai nhiếp, hai nhiếp đó là gì?

Kệ rằng:

*Bốn thể, nói hai nhiếp,
Tài nhiếp và pháp nhiếp,
Tài một, pháp có ba,
Thứ lớp gom bốn nhiếp.*

Giải thích: Thể của bốn nhiếp này, nơi khác, Thế Tôn nói có hai nhiếp, là tài nhiếp và pháp nhiếp, tức dùng hai nhiếp gom bốn nhiếp.

Tài thuộc về một nhiếp đầu, còn pháp thuộc về ba nhiếp sau.

Hỏi: Thế nào là ba nhiếp sau?

Đáp: Pháp có ba thứ:

1. Pháp sở duyên.
2. Pháp sở hành.
3. Pháp mà mình làm cho thanh tịnh.

Theo thứ lớp ấy mà xếp vào ba nhiếp sau, nên biết, rằng:

*Hạ, trung, thượng khác nhau,
Bốn thứ nhiếp như vậy,
Gấp bội không, bội có,
Cũng thuần hợp ba ích.*

Giải thích: Có ba thứ khác nhau của bốn thứ nhiếp là hạ, trung, thượng, là do Bồ-tát xếp vào người của ba thừa khác nhau. Từ ba thứ khác nhau này, nên thứ lớp lại có ba lợi ích:

1. Gấp bội vô ích.
2. Gấp bội có ích.
3. Thuần có ích.

Lợi ích không gấp bội là thuộc về giải hạn địa của Bồ-tát.

Lợi ích gấp bội là thuộc về Bồ-tát nhập đại địa.

Thuần có lợi ích là thuộc về Bồ-tát bát địa trở lên, vì Bồ-tát ấy có công năng quyết định khiến chúng sinh được thành tựu. Kệ rằng:

*Bồ-tát muốn gom chúng,
Nương bốn phương tiện này,
Đại lợi dễ thành công,
Được khen ba lợi ích.*

Giải thích: Nếu Bồ-tát muốn thu nhận đồ chúng thì phải nương vào bốn nhiếp pháp này làm phương tiện. Vì sao? Vì các lợi ích lớn đều thành tựu, vì phương tiện này để làm và được ưa thích, vì được Phật khen ngợi. Kệ rằng:

*Bốn nhiếp ở ba đời,
Thường nhiếp hóa chúng sinh,
Đạo thành tựu chúng (sinh),
Chẳng khác, chỉ bốn nhiếp.*

Giải thích: Bốn nhiếp này được Bồ-tát dùng nhiếp hóa tất cả chúng sinh trong ba đời: Đã nhiếp, hiện nhiếp và sẽ nhiếp. Cho nên, bốn nhiếp pháp là đạo thành thực chúng sinh, chứ không phải đạo nào khác, vì các đạo khác không có công năng. Đã nói riêng sáu độ và bốn nhiếp rồi, kể đây là là tổng kết nghĩa đã nói trước bằng một bài kệ:

Kệ rằng:
*Không chấp và vắng lặng, Năng nhân
giúp ý mạnh, Bất động và lìa tướng,
Cũng nhiếp, nhiếp chúng sinh.*

Giải thích: Ba câu trước trong bài kệ này là kết luận nghĩa của sáu độ. Một câu chót là kết luận nghĩa của bốn nhiếp, về nghĩa của bài kệ thì như trước đã giải thích. Bồ-tát dùng sáu độ để thực hành bốn nhiếp, nói về sáu Ba-la-mật, thành tựu lợi mình, lợi người. Sự thành tựu của bốn nhiếp cũng như vậy, cho nên theo thứ lớp ấy, trước nói sáu độ, sau nói nhiếp.

